

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **430/2021/HNGĐ- ST**
Ngày 26-11-2021
V/v: tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên**, Bà **Nguyễn Thị Luận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Diệu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 397/2021/TLST- HNGĐ ngày 29/10/2021 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXX-ST ngày 08/11/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Tổng Thị D, sinh năm 1980. Có mặt

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1974. Có mặt

Đều có HKTT tại: Thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn – Chị Tổng Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống bình thường tại thôn T, xã T. Đến năm 2018 trở lại đây thì vợ chồng xảy mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nguyên nhân là do cuộc sống hằng ngày, lối sống của hai người khác nhau, anh T thường hay ghen tuông vô cớ và chửi và đánh chị làm cho cuộc sống hôn nhân gặp nhiều bất hòa, đã nhiều lần chị nghĩ đến các con mà tha thứ cho anh T. Anh, chị có ly thân nhiều lần, lần kéo dài nhất là năm 2018 cho đến năm 2020 chị lại quay về vì nghĩ đến các con cho có đầy đủ cha mẹ. Nhưng anh T vẫn không có gì thay đổi, vẫn ghen tuông và rượt vào là lại đánh chị. Do vậy,

đến nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa cho được ly hôn

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Thạch P, sinh ngày 28/9/2011 và Nguyễn Hương Gi, sinh ngày 23/9/2014. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cả hai con. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Anh Nguyễn Đình T trình bày: Anh và chị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn T, xã T, anh và chị D ly thân nhiều lần từ năm 2018 cho đến nay, hiện nay chị D đã đi khỏi nhà và chúng tôi không sống cùng nhau nữa. Mặc dù vậy đến nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị D do vậy anh không đồng ý ly hôn, mong vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Thạch P, sinh ngày 28/9/2011 và Nguyễn Hương Gi, sinh ngày 23/9/2014. Nếu phải ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P cho đến khi cháu P trưởng thành. anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa P biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị D được ly hôn với anh T; về con chung giao cháu Gi cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành, giao cháu P cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng do chị D, anh T không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung

cho chị D, anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

- Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn: Chị Tống Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình T; Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Thạch P, sinh ngày 28/9/2011 và Nguyễn Hương Gi, sinh ngày 23/9/2014, sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 2 con là cháu P và cháu Gi. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, công nợ chung và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T không đồng ý ly hôn vì tình cảm vẫn còn, mong vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Anh đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P cho đến khi cháu P trưởng thành. anh không yêu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Tống Thị D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Đình T. Hiện anh Nguyễn Đình T đang cư trú tại Thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị D và anh Nguyễn Đình T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, Chị D và anh T đăng ký kết hôn ngày 29/01/2011 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, chị D, anh T chung sống bình thường, nhưng do vợ chồng không hợp nhau, không có Tg nói chung trong hôn nhân. Theo chị D anh T là người làm công nhân tự do, do công việc chị D bận rộn và anh hay ghen tuông vô cớ rồi đánh chị làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, chị đã nhiều lần ly thân vì thấy cuộc sống vợ chồng quá trầm trọng. Nhưng vì thương con nên chị cố chịu

đựng. Từ đầu năm 2021 cho đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh T vẫn không có gì thay đổi chị đã phải đi thuê nhà để ở. Về phần anh T đến nay anh T khẳng định vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn, vợ chồng đã có 02 con chung là cháu P, cháu Gi. Nếu ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu, anh T có nguyện vọng nuôi cháu P.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh T. Xét thấy, tình cảm giữa chị D và anh T không còn do việc chị D và anh T không hợp nhau, vợ chồng không có lòng tin với nhau trong hôn nhân, không thể chia sẻ được với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống gây tổn thương về tâm hồn của chị, hai anh chị không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D với anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Thạch P, sinh ngày 28/9/2011 và Nguyễn Hương Gi, sinh ngày 23/9/2014. Theo nguyện vọng nuôi con của chị D muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Gi, cháu P, còn anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, HĐXX chấp nhận nguyện vọng nuôi con của anh T là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của các đương sự và quy định của pháp luật.

Chị D, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị D, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

[2.4] Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 211 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chị Tổng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Đình T

2. Về con chung: Xác nhận chị Tổng Thị D, anh Nguyễn Đình T có 2 con chung là Nguyễn Đình Thạch P, sinh ngày 28/9/2011 và Nguyễn Hương Gi, sinh ngày 23/9/2014. Giao con chung Nguyễn Hương Gi cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Đình Thạch P cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu P trưởng thành (18 tuổi) hoặc có thay đổi khác.

Chị D, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

3. Về cấp dưỡng: Chị D, anh T không yêu cầu hai bên cha mẹ phải cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D, anh T cho đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về án phí: Chị Tổng Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075437 ngày 29/10/2021.

Chị Tổng Thị D, anh Nguyễn Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ
- Chi cục THA dân sự H. Chương Mỹ
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Dũng

